

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng
2. Ông Lê Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57 /2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phan Thị Thu T, sinh năm: 1991; nghề nghiệp: thợ làm tóc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 6, ấp T, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện NT, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1983; nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: số MH, ấp N, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất, nguyên đơn là chị Phan Thị Thu T trình bày: Sau thời gian tìm hiểu chị và anh Nguyễn Ngọc N đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009; đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Sau khi kết hôn thì vợ chồng thuê nhà sống ở xã H, huyện

NT do đều làm việc tại đây, các con đều gửi cho ông bà ngoại chăm sóc; đến năm 2018 do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên anh N về X còn chị vẫn ở NT và vợ chồng ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, như: chị phải chịu áp lực quá lớn từ gia đình chồng và còn bị em gái chồng hành hung, chị có chia sẻ với chồng và đề ra nhiều giải pháp để giữ gìn hạnh phúc nhưng anh N không thực hiện theo nên không thể bảo vệ được vợ con; anh N đi làm có đưa tiền cho chị để lo cho gia đình nhưng lại không bao giờ hỏi han xem thu nhập có đủ chi tiêu hay không, trong khi gia đình chồng cứ ép là vợ chồng phải làm có dư. Do thời gian ly thân đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh N. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung (01 trai và 01 gái) tên: Nguyễn Ngọc D, sinh ngày: 26/4/2010 và Nguyễn Ngọc TA, sinh ngày: 07/6/2013. Do vợ chồng đi làm xa nên từ nhỏ đến nay cả 02 cháu đều sống cùng ông bà ngoại; ban đầu chị yêu cầu nuôi cháu TA, giao cháu D cho anh N nuôi dưỡng, nhưng sau này chị thay đổi và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cả 02 cháu, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Phan Thị Thu T và Nguyễn Ngọc N (bản sao công chứng); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 giấy khai sinh con (bản sao); biên lai thu tạm ứng án phí số 0001771 ngày 13/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM; bản tự khai; đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt.

* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất, bị đơn anh Nguyễn Ngọc N trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình tiến tới hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và việc chị T bị em gái của anh đánh là có. Anh cũng đã cố gắng để bênh vợ nhưng do hai người xích mích rồi xảy ra xô xát, anh không ngăn cản kịp. Lúc trước, vợ chồng làm việc ở NT nên gửi con cho ông bà ngoại chăm sóc, thỉnh thoảng vợ chồng mới về X để thăm con. Theo anh, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do giữa chị T và cha mẹ của anh không hiểu nhau, mỗi người có một cách thể hiện tình cảm riêng nên không ai hiểu ai, dẫn tới hiểu lầm rồi từ đó vợ chồng sinh ra tranh cãi. Bản thân anh luôn cố gắng làm mọi thứ để tốt cho vợ con, nhưng có nhiều việc anh vẫn chưa làm được do chưa có khả năng; tuy hai người sống hai nơi từ năm 2018 đến nay nhưng mỗi lần vợ cần gì thì anh đều tới lui để thu xếp. Do vẫn còn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị cho thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý với ý kiến của chị T: anh sẽ trực tiếp

nuôi cháu D, còn chị T nuôi cháu TA; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu do bị đơn giao nộp: giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc N (photo đối chiếu); bản tự khai của anh N.

Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành xác minh, thu thập được các tài liệu, chứng cứ: biên bản đối chất ngày 09/6/2020; biên bản lấy lời khai 02 cháu D và TA ngày 24/6/2020.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) năm 2014 và quy định tại các điều 85, 89, 91, 92, 93 và 94 của Luật HN&GD năm 2000 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho chị T được ly hôn anh N; về con chung: giao 02 cháu D và TA cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, do chị T không yêu cầu nên tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; về án phí: chị T chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Phan Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N và yêu cầu được giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị T là nguyên đơn, anh N là bị đơn; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM.

Nguyên đơn (chị Phan Thị Thu T) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn (anh Nguyễn Ngọc N) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Thu T và anh Nguyễn Ngọc N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X và đã

được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 12/5/2009, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy: do trong quá trình vợ chồng chung sống giữa chị T và gia đình anh N đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn nhưng vợ chồng không cùng nhau tìm ra phương pháp giải quyết nên đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng; vợ chồng ly thân đã hơn 02 năm nhưng trong suốt thời gian này vẫn không thể hàn gắn; anh N cho rằng còn tình cảm với chị T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải lại vắng mặt, không thật sự mong muốn hòa giải. Từ những chứng cứ nêu trên, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã tới mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại trên thực tế, hôn nhân không hạnh phúc nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: ban đầu chị T đề nghị giao Nguyễn Ngọc D, sinh ngày: 26/4/2010 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị sẽ nuôi cháu Nguyễn Ngọc TA, sinh ngày: 07/6/2013, không ai phải cấp dưỡng nuôi con và anh N cũng đồng ý với đề nghị này của chị T; tuy nhiên sau đó chị T thay đổi ý kiến và yêu cầu được giao quyền trực tiếp nuôi cả 02 cháu D và TA không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: cả 02 cháu D và TA đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ, Tòa án đã thông báo cho anh N về việc chị T thay đổi yêu cầu về con chung nhưng anh N vẫn không có văn bản nêu ý kiến cũng như không đến tham dự phiên tòa; do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T: giao cả 02 cháu D và TA cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không buộc anh N phải thực hiện cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: do không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng, pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 51, 53, 131 của Luật HN&GD năm 2014 và các điều 89, 92, 93, 94 của Luật HN&GD năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phan Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc N.

2. Về con chung: giao 02 cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày: 26/4/2010 và Nguyễn Ngọc TA, sinh ngày: 07/6/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Phan Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001771 ngày 13/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Lưu HS, AV.

Hà Thế Nam